

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt



động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 115/TTr-SNN ngày 02 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Thường trực các Huyện ủy, Thành ủy;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ- Sở Nội vụ;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN (Ha).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số **10** /2021/QĐ-UBND ngày **25** tháng **6** năm **2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định danh mục sản phẩm đặc thù; nội dung và mức hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế các sản phẩm nông, lâm, thủy sản áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, sơ chế các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn (bao gồm: VietGAP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng, gọi chung là VietGAP) thuộc Danh mục sản phẩm được hỗ trợ quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 3. Danh mục sản phẩm được hỗ trợ theo Quy định này

1. Danh mục sản phẩm được hỗ trợ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

2. Danh mục sản phẩm đặc thù của địa phương bao gồm:

a) Sản phẩm cây trồng: Khoai lang, ca cao, mắc ca, điều, các loại cây họ đậu, cây dược liệu.

b) Sản phẩm chăn nuôi: Bò thịt, dê thịt.

c) Sản phẩm thủy sản: Cá diêu hồng, cá lóc, cá trắm, cá lăng, cá trê.

Điều 4. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ

Người sản xuất được hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và quy định tại

Điều 4 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT).

Điều 5. Tiêu chí về Quy mô sản xuất

1. Đối với cây trồng

a) Rau: Đối với cá nhân (hộ gia đình, trang trại) có diện tích từ 2.000 m² trở lên, riêng rau (kể cả nấm thực phẩm) trồng trong nhà kính, nhà lưới, nhà kiên cố có diện tích từ 1.000 m² trở lên. Đối với các tổ chức (Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp) có diện tích từ 5.000 m² trở lên, riêng rau (kể cả nấm thực phẩm) trồng trong nhà kính, nhà lưới, nhà kiên cố có diện tích từ 3.000m² trở lên.

b) Các loại cây ăn quả, các loại cây họ đậu, cây dược liệu, khoai lang, cà phê, hồ tiêu, chè, mắc ca, ca cao, điều, lúa: Đối với cá nhân có diện tích tập trung từ 2 ha trở lên, riêng đối với quả trồng trong nhà kính, nhà lưới có diện tích từ 2.000 m² trở lên. Đối với các tổ chức có diện tích từ 05 ha trở lên, riêng đối với quả trồng trong nhà kính, nhà lưới có diện tích từ 5.000 m² trở lên (phương thức sản xuất bao gồm: sản xuất theo phương thức truyền thống, sản xuất theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao).

2. Đối với chăn nuôi

a) Lợn thịt: Đối với cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi từ 500 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 2.000 con trở lên

b) Bò thịt: Đối với cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi từ 100 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 300 con trở lên.

c) Bò sữa: Đối với cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi từ 100 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 300 con trở lên.

d) Dê thịt: Đối với cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi từ 200 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 500 con trở lên.

đ) Gia cầm, thủy cầm hướng thịt:

Gà, vịt: Đối với cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi từ 6.000 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 10.000 con trở lên.

Chim cút: Đối với cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi từ 6.000 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 10.000 con trở lên.

e) Gà, vịt hướng trứng: Đối với cá nhân, hộ gia đình nuôi từ 3.000 con trở lên. Đối với các tổ chức chăn nuôi từ 5.000 con trở lên.

g) Ong: 500 đàn trở lên

3. Đối với thủy sản

a) Nuôi trong ao: diện tích từ 5.000 m² trở lên.

b) Nuôi lồng:

- Cá diêu hồng: từ 10 lồng nuôi trở lên

- Cá lóc, cá trắm, cá lăng, cá trê, cá rô phi: 5 lồng nuôi trở lên.

* Điều kiện hỗ trợ trong chăn nuôi: Đối với cá nhân, hộ gia đình, trang trại... chăn nuôi áp dụng quy trình GAP này được hỗ trợ kinh phí, phải đảm bảo điều kiện khu vực chăn nuôi theo quy định tại Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Một số nội dung chính sách hỗ trợ

a) Đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất an toàn áp dụng sản xuất theo quy trình GAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đầu tư 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng GAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn, biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn.

c) Đầu tư 100% kinh phí tập huấn cho lao động của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), in ấn tài liệu, biểu mẫu nhật ký ghi chép, các loại bảng biểu theo dõi sản xuất.

d) Đầu tư 100% kinh phí thuê đơn vị tư vấn, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn GAP khác và tiêu chuẩn hữu cơ. Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn (bao gồm cả chi phí kiểm nghiệm sản phẩm phục vụ chứng nhận).

đ) Hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM): Mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

e) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định tại Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Đắk Nông về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông.

2. Mức hỗ trợ: Tùy vào điều kiện thực tế hiện có của cơ sở sản xuất và kinh phí được phân bổ thực hiện hàng năm, cơ quan thực hiện hỗ trợ lựa chọn nội dung tại khoản 1 Điều này để hỗ trợ cơ sở thực hiện cho phù hợp, nhưng tổng mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) không quá 100 triệu đồng đối với cá nhân (hộ gia đình, trang trại) và không quá 200 triệu đồng đối với tổ chức (Hợp tác xã, Tổ hợp tác, doanh nghiệp). Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được hỗ trợ một lần theo chính sách này.

3. Các tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, sơ chế sản phẩm nông, lâm, thủy sản áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), ngoài được hưởng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng các chính sách hỗ trợ và ưu đãi khác theo các quy định hiện hành nhưng không trùng lặp các nội dung nêu trên.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách Trung ương đầu tư, hỗ trợ thông qua các Dự án, Chương trình mục tiêu về áp dụng GAP và các Dự án, Chương trình mục tiêu khác có liên quan; kinh phí khuyến nông, kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học.

2. Ngân sách địa phương (lồng ghép với kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Chương trình môi xã một sản phẩm,...) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa tổ chức thực hiện Quy định này; đồng thời, chịu trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy định này làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ xây dựng Kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện.

- Định kỳ, hàng năm vào tháng 12 (trước ngày 20/12) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính: Tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về nhu cầu kinh phí sự nghiệp để thực hiện Quy định này (kèm theo Văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền), Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua theo quy định.

3. Sở Công Thương: Hỗ trợ xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm được hỗ trợ chứng nhận GAP.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan cân đối, bố trí vốn từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Quy định này (nếu có).

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm để thực hiện theo Điều 5 Quy định này đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

6. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắc Nông: Thường xuyên đưa tin, bài tuyên truyền, giới thiệu các mô hình, sản phẩm được chứng nhận GAP.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Liên minh Hợp tác xã tỉnh phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa tổ chức tuyên truyền Quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh để biết, thực hiện. Ngoài ra, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nguồn kinh phí hàng năm, các đơn vị triển khai thực hiện Quy định này. Định kỳ, hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa tổ chức thực hiện Quy định này; đồng thời, cân đối bố trí ngân sách địa phương hàng năm để hỗ trợ các cơ sở trên địa bàn thực hiện áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP). Định kỳ, hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp.

9. Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức đoàn thể có chức năng thực hiện nhiệm vụ về hỗ trợ người dân áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), hàng năm thực hiện thông báo đến các tổ chức, cá nhân sản xuất trên địa bàn quản lý được biết, đăng ký nhu cầu thực hiện.


10. Căn cứ vào Kế hoạch chung của tỉnh đã phê duyệt, nhu cầu thực tế của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn quản lý. Hàng năm, các đơn vị chủ động xây dựng Kế hoạch, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ kinh phí (hoặc lồng ghép nhiệm vụ), để hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại địa phương theo quy định.

11. Trách nhiệm của người sản xuất

a) Lập hồ sơ đăng ký hỗ trợ áp dụng quy trình GAP theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện sản xuất, sơ chế theo đúng quy định của tiêu chuẩn.

12. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng các điều, khoản, điểm tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

13. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. / 

DẤU
V
HỌ